

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST

Ngày: 28/04/2025

V/v: *Kiện đòi tiền.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Xuân Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Duyên

2. Ông Trịnh Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đàm Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 96/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “Kiện đòi tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 04 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị H

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung D

Địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ

Địa chỉ: SN G, tổ A, phố K, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ là người sửa chữa máy xúc, chúng tôi có máy xúc làm dịch vụ nên quen biết nhau. Thời gian đó ông Đ sửa chữa máy xúc ở thị trấn T, huyện Q, máy xúc của chúng tôi bị hỏng phần Búa máy nên thuê ông Đ lắp đặt cho một chiếc búa máy khác. Hai bên thỏa thuận giá trị là 120 triệu đồng. Ngày 28 tháng 7 năm 2016 ông Nguyễn Văn Đ nhận tạm ứng trước của chúng tôi số tiền 80 triệu đồng và hứa hết ngày 28 tháng 12 năm 2016 thay thế lắp đặt xong búa máy cho tôi và nhận thêm số tiền 40 triệu đồng đủ 120 triệu đồng. Khi nhận tạm ứng số tiền 80 triệu ông Nguyễn Văn Đ có tự tay viết và ký vào văn bản. Tuy nhiên sau đó ông Nguyễn Văn Đ không lắp đặt mua máy như đã thỏa thuận trong giấy tờ và cũng không trả lại tiền tạm ứng cho chúng tôi.

Đến ngày 18 tháng 7 năm 2023 sau khi đòi nợ nhiều lần ông Nguyễn Văn Đ trả cho chúng tôi 5 triệu đồng, kể từ đó đến nay chúng tôi đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn Đ chưa trả hết số tiền nợ. Nhận thấy ông Đ đã và đang chây ỳ không trả tiền và có ý định chiếm đoạt tiền vì vậy chúng tôi khởi kiện đề nghị tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng buộc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả lại số tiền 75.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đề nghị tòa án áp dụng khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất để buộc ông Đ trả tiền lai cho chúng tôi là 10%/năm thời hạn tính lãi từ ngày 28 tháng 07 năm 2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai và tại các buổi hoà giải ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện.

Người được nguyên đơn ủy quyền ông Nguyễn Trung D giữ nguyên quan điểm như nguyên đơn đã trình bày tại đơn khởi kiện và buổi hoà giải.

Tại đơn trình bày ngày 10/02/2025, bản tự khai ngày 11/02/2025 và tại các buổi hoà giải ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Tôi có nhận sửa chữa máy xúc của vợ chồng anh T chị H sau khi sửa xong anh T chị H có bảo tôi lắp đặt hệ thống búa đập cho máy xúc. Hai bên thỏa thuận giá lắp đặt là 120 triệu đồng. Anh T chị H chuyển trước cho tôi 80 triệu đồng xong việc anh T chị H thanh toán nốt số tiền 40 triệu đồng còn lại. Không may tôi gửi mua hàng bên Trung Quốc bị lừa số tiền trên, khi bị lừa tiền tôi có báo lại cho anh T chị H nhưng anh T chị H nói là tôi nhận tiền của anh chị thì phải chịu trách nhiệm. Tôi làm ăn thua lỗ nên tôi mới gửi cho anh chị được 5 triệu đồng còn lại 75 triệu đồng. Tôi đề nghị thanh toán hàng tháng là 5 triệu đồng cho anh T chị H do hiện nay tôi một mình nuôi bốn con nhỏ điều kiện hoàn cảnh cũng khó khăn về số tiền lãi tôi không nhất trí thanh toán số tiền lãi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 48, 195, 196, 197, 198, 203, 239 và 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, 49 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51, 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị xét xử đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 77, Điều 78, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng dân sự bằng văn bản viết tay có chữ ký xác nhận của các bên và nội dung cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm có đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập giao dịch dân sự theo đó ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ thực hiện lắp đặt búa máy đúng nội dung và thời gian đã thỏa thuận. Tuy nhiên ông Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ như cam kết, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ dân sự làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại điều 351 điều 357 bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể là nghĩa vụ hoàn lại khoản tiền đã nhận và lãi suất chậm trả đối với số tiền không hoàn trả đúng hạn. Việc ông Đ đưa ra lý do bị lừa đảo hoặc hoàn cảnh kinh tế khó khăn là lý do mang tính cá nhân không làm mất đi nghĩa vụ thanh toán việc bị đơn chỉ mới thanh toán 5 triệu đồng sau 7 năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ chứng tỏ không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ gây thiệt hại kéo dài cho nguyên đơn ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi là tính lãi 9%/năm theo bộ luật dân sự năm 2005.

Từ những căn cứ như trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 280, 351, 357 Bộ luật dân sự năm 2015
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H: Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi năm triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H số tiền 54.000.000 đồng tiền lãi.

2. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H được chấp nhận ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.450.000đ.

3. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H khởi kiện “K đòi tiền” với ông Nguyễn Văn Đ có địa chỉ: SN G, tổ A, phố K, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có địa chỉ tại SN G, tổ A, phố K, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Thời hạn thực hiện thoả thuận của các bên đương sự đến ngày 28/12/2016 là hoàn thành do vậy áp dụng điểm c Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết vụ án.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng buộc ông Nguyễn Văn Đ trả lại số tiền sửa chữa máy xúc đã tạm ứng là 75.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu lời khai, lời trình bày và những tài liệu được thu thập Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có quen biết nhau do ông Nguyễn Văn Đ làm nghề sửa chữa máy xúc còn ông Nguyễn Văn T có máy xúc làm

dịch vụ. Do ông Nguyễn Văn T có nhu cầu lắp đặt búa máy cho máy xúc nên đã nhờ ông Nguyễn Văn Đ mua và lắp đặt. Ông Nguyễn Văn Đ nhận lời và hai bên thoả thuận giá lắp đặt là 120.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Đ tạm ứng trước số tiền 80.000.000 đồng. Hai bên có lập văn bản thoả thuận ông Nguyễn Văn Đ hẹn lắp đặt cho ông Nguyễn Văn T một chiếc búa máy xúc với số tiền 120.000.000 đồng hẹn đến ngày 28/12/2016 sẽ lắp đặt hoàn chỉnh, ông Nguyễn Văn Đ tạm ứng trước số tiền 80.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi hoàn thành công việc sẽ thanh toán hết. Việc thoả thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của pháp luật.

Đến ngày 28/12/2016 ông Nguyễn Văn Đ không hoàn thành công việc theo thoả thuận, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H đã nhiều lần đòi tiền ông Nguyễn Văn Đ nhưng ông Đ không trả lại số tiền đã tạm ứng. Đến ngày 18/07/2023 ông Đ trả được cho ông T số tiền 5.000.000 đồng.

Quá trình hoà giải các bên đương sự đều thống nhất về số tiền ông Đ đã tạm ứng là 80.000.000 đồng và ông Đ đã trả được số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền tạm ứng ông Đ còn nợ vợ chồng ông T bà H là 75.000.000 đồng.

[2.2]. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng buộc ông Nguyễn Văn Đ thanh toán số tiền lãi kể từ ngày 28/07/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm.

Tại phiên toà ông Nguyễn Trung D là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi kể từ ngày 28/12/2016 với lãi suất là 9%/năm đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung D không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Số tiền lãi yêu cầu là 54.000.000 đồng.

Xét thấy giữa hai bên lập văn bản thoả thuận trong đó thời hạn hoàn thành công việc là ngày 28/12/2016. Tuy nhiên đến ngày 28/12/2016 ông Đ vẫn không thực hiện được thoả thuận do vậy thời điểm vi phạm thoả thuận được tính kể từ sau ngày 28/12/2016. Do ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện được thoả thuận theo quy định do vậy ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ trả lại số tiền tạm ứng đã nhận của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Đ không nhất trí trả lãi tuy nhiên căn cứ khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác do vậy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Giữa hai bên không thoả thuận về lãi do vậy lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng N công bố tại thời điểm trả nợ. Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 ngân hàng N xác định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm.

Kể từ ngày 28/12/2016 là thời điểm bị đơn không thực hiện được hợp đồng đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 8 năm 4 tháng. Tuy nhiên đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 08 năm với số tiền lãi là 54.000.000 đồng.

[3]. Những vấn đề khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận vì vậy nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 6.450.000 đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 280, 281, 282, 290, khoản 2 Điều 305, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H số tiền 129.000.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 75.000.000 đồng và số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/04/2025) là 54.000.000 đồng).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2]. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 6.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Bà Phạm Thị H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.687.500 đồng theo biên lai số 0001172 ngày 23/12/2024 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Ông Nguyễn Văn T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Dương sự
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lý Xuân Huy